

HOSE 13/06/2014

VNINDEX 574.48 0.71 0.12%

KLGD 72,408,393 CP
GTGD 1,128.88 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 118 CP
CP Giảm giá 79 CP
CP Đứng giá 107 CP



HNX 13/6/2014

HNXINDEX 76.68 0.39 0.51%

KLGD 47,281,542 CP
GTGD 485.70 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 117 CP
CP Giảm giá 76 CP
CP Đứng giá 186 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 617.73 1.62 0.26%
HNX30 153.50 0.57 0.37%

Tâm điểm

► "Túc tắc" tăng điểm

► Thanh khoản sụt giảm nhẹ

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,700 tỷ đồng

► Xuất khẩu thủy sản dự báo đạt 7 tỉ đô la Mỹ cả năm, tăng 5% so với năm 2013

Theo thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep)
Thời báo Kinh tế Sài Gòn

► Nợ công của Việt Nam đang ở mức trên 81.885 tỷ USD, chiếm 47.7% GDP

Mức nợ công của Việt Nam tại thời điểm hiện tại tăng 10.9% so với năm 2013
VOVonline

► Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ kỷ lục

(BOJ) tiếp tục tăng lượng tiền cơ sở hàng năm từ 60 nghìn tỷ yên đến 70 nghìn tỷ yên
DVO/Bloomberg

► BID: Đạt lợi nhuận 2,500 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm

Được biết, năm 2014, BIDV đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 6,000 tỷ đồng
Trí Thức Trẻ

► KHB: ĐHCĐ thông qua phương án tăng vốn lên 262 tỷ đồng

Cụ thể, KHB sẽ phát hành riêng lẻ 20 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,018,598	13.8	3.1	20.7%	11.0%
HNX	123,363	17.3	1.6	7.4%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,141,961	16.1	3.0	19.5%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,066	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,585	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	35,048	19.0	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng	11,908	51.9	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,787	17.1	1.4	11.3%	8.1%
Xây dựng	27,914	- 39.6	1.0	-4.4%	1.5%
Máy công nghiệp	7,654	5.9	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,697	13.0	1.4	16.5%	12.5%
Lốp xe	6,604	8.0	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,239	9.4	1.2	14.5%	6.4%
Thực phẩm	201,798	23.1	4.8	21.1%	16.3%
Dược phẩm	14,993	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,494	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	25,007	- 6.7	1.2	-5.1%	3.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	210,642	17.6	5.6	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	26,947	21.9	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,277	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng	245,349	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	132,519	11.2	2.4	27.7%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,399	9.5	1.9	20.5%	8.4%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hà Nội
Việt Nam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Xuất khẩu thủy sản dự báo đạt 7 tỉ đô la Mỹ cả năm, tăng 5% so với năm 2013

Nợ công của Việt Nam đang ở mức trên 81.885 tỷ USD, chiếm 47.7% GDP

Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ kỷ lục

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

BID: Đạt lợi nhuận 2,500 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm

KHB: ĐHCĐ thông qua phương án tăng vốn lên 262 tỷ đồng

FCN: Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (DBJ) trở thành NĐT chiến lược

► Tin kinh tế

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep) vừa đưa ra dự báo kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm nay khoảng 7 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2013. Riêng mặt hàng tôm năm nay sẽ tiếp tục tăng trưởng và có thể mang về cho Việt Nam khoảng 3.5 tỉ đô la Mỹ do việc xuất khẩu tôm sang các thị trường chính như Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc vẫn khả quan. Cơ sở để Vasep đưa ra dự báo trên là căn cứ trên tình hình xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm nay, đạt 2.86 tỉ đô la Mỹ, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2013.

Theo Đồng hồ nợ công toàn cầu (Global debt clock) trên trang The Economist.com, tính đến 10h00 (giờ Việt Nam) hôm nay (13/6), nợ công của Việt Nam đang ở mức trên 81.885 tỷ USD; bình quân nợ công theo đầu người là 905.18 USD; nợ công chiếm 47.7% GDP, tăng 10.9% so với năm 2013. Nợ công toàn cầu thời điểm này đang ở mức trên 53.551 tỷ USD. Trước đó, tính đến 11h00 (giờ Việt Nam) hôm 23/3, nợ công của Việt Nam ở mức trên 80.070 tỷ USD; bình quân nợ công theo đầu người là 886.36 USD; nợ công chiếm 48.0% GDP, tăng 11.2% so với năm 2013. Như vậy, sau 3 tháng, tổng nợ công của nước ta tăng 1.815 tỷ USD, bình quân nợ theo đầu người tăng 18.82 USD. Nhưng tính theo GDP, 3 tháng qua, tỷ lệ nợ công giảm 0.3%. Nợ công toàn cầu thời điểm này đang ở mức trên 52,945 tỷ USD

Ngày 13/6, kết thúc cuộc họp chính sách, Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) cho biết sẽ tiếp tục tăng lượng tiền cơ sở hàng năm từ 60 nghìn tỷ yên đến 70 nghìn tỷ yên, đúng như dự đoán của các chuyên gia kinh tế học. Niềm tin tiêu dùng tăng, hoạt động đầu tư kinh doanh phát triển mạnh là những dấu hiệu tích cực cho thấy, kinh tế Nhật Bản đang dần vượt qua thời kỳ khó khăn sau đợt tăng thuế giá trị gia tăng đầu tháng 4. Cụ thể, tháng 5, niềm tin tiêu dùng đã phục hồi, lên mức cao nhất kể từ tháng 1/2014 sau khi giảm mạnh trong tháng 4. Khảo sát của Bloomberg cho biết, 42% các chuyên gia dự báo, BOJ sẽ tăng cường kích thích trong tháng 10 và 58% cho rằng, BOJ sẽ hành động vào cuối năm nay.

► Tin doanh nghiệp

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BIDV) cho biết, tính đến 31/5/2014, ngân hàng (riêng lẻ) đạt tổng tài sản gần 572 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với cuối 2013. Huy động vốn khách hàng tăng 3.3% với tổng 431 nghìn tỷ, tín dụng tăng trưởng 2.3% đạt 396 nghìn tỷ. Nợ xấu được kiểm soát dưới 2%. Trong 5 tháng đầu năm, ngân hàng đạt lợi nhuận trước thuế 2,500 tỷ đồng. Hoạt động của các công ty con thuộc BIDV cũng chuyển biến tích cực trong thời gian qua, với lợi nhuận của nhóm này đạt 78 tỷ đồng, tăng hơn 6 lần so với cùng kỳ năm 2013. Kế hoạch cả năm BIDV tăng trưởng huy động và cho vay 13%; lợi nhuận trước thuế 6,000 tỷ đồng, nợ xấu dưới 3% và cổ tức không thấp hơn 9%.

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2014 của CTCP Khoáng sản Hòa Bình (HNX:KHB) vừa diễn ra, ĐHCĐ công ty đã thông qua phương án tăng vốn từ 62.7 tỷ đồng lên 262.7 tỷ đồng trong năm nay. Cụ thể, KHB sẽ phát hành riêng lẻ 20 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, với giá dự kiến 10,000 đồng/CP. 200 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành này, KHB dự kiến chi 150 tỷ đồng cho mua mỏ khoáng sản; 40 tỷ đồng mua máy móc, thiết bị khai thác mỏ, số còn lại bổ sung vốn lưu động. ĐHCĐ đã miễn nhiệm toàn bộ HĐQT, Ban Kiểm soát đương nhiệm, thay vào đó là các nhân sự mới. Vị trí Chủ tịch HĐQT của bà Đỗ Thị Cẩm Thúy được thay bởi bà Phạm Thị Hinh. ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh 2014, với 60 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 6 tỷ đồng.

Theo CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON (HOSE: FCN), hôm nay (13/6), ông Phạm Việt Khoa, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc FCN và ông Kiyoto Koyama, đại diện Quỹ Phát triển Đông Nam Á - Nhật Bản của Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (DBJ), đơn vị do Chính phủ Nhật Bản sở hữu 100% vốn, đã ký thỏa thuận hợp tác đầu tư chiến lược giữa hai bên. Theo thỏa thuận, DBJ sẽ tham gia đầu tư vào đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2014 của FCN, với giá trị đầu tư khoảng 195 tỷ đồng, qua đó trở thành NĐT chiến lược của FCN.

HOSE 13/06/2014 VNINDEX 574.48 0.71 0.12% 72,408,393 CP 1,128.88 bil VND

"Túc tắc" tăng điểm

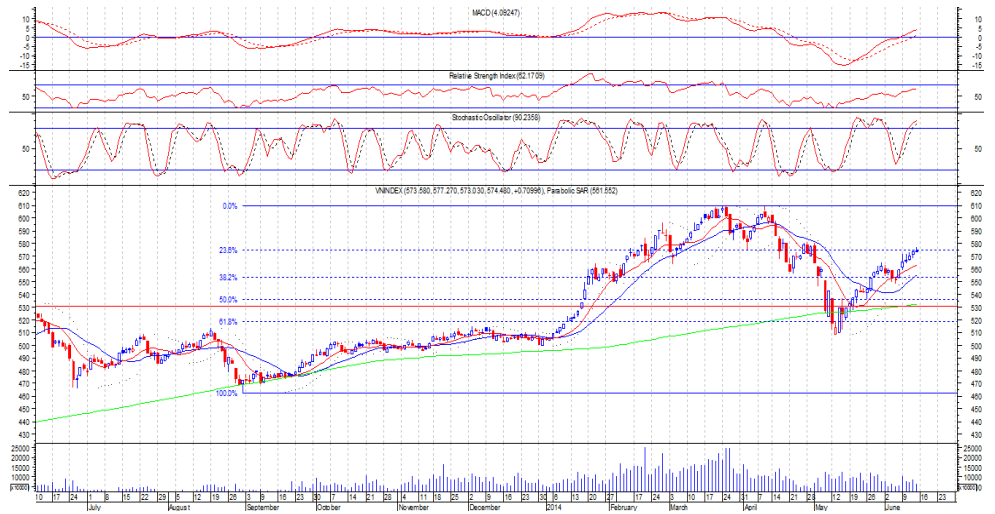
VN-Index tăng 0.74 điểm (+0.12%), đóng cửa tại mức 574.48 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, chỉ số này tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- MACD sau khi cắt lên đường zero - base, tiếp tục gia tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn được duy trì.

- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua.

- RSI (14) gia tăng nhẹ lên mức 62.

- VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	5,674,470
ITA	0.1 (1.3%)	4,793,940
SAM	0.2 (2.1%)	3,191,370
HT1	-0.7 (-4.8%)	2,679,820
REE	0.5 (2.0%)	2,228,380

HOSE Top 5 theo % tăng

STG	1.5 (7.0%)	50
HSI	0.2 (6.9%)	7,760
CTI	0.7 (6.7%)	4,010
NVN	0.2 (6.7%)	480
MHC	0.8 (6.6%)	431,710

HOSE Top 5 theo % giảm

ACC	-2.6 (-8.0%)	13,220
RIC	-0.6 (-6.9%)	370
HHS	-1.9 (-6.8%)	353,700
DCT	-0.2 (-6.7%)	70,370
VNG	-0.7 (-6.3%)	230

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	10,0 tỷ	256,200
BVH	3,7 tỷ	92,140
NLG	3,3 tỷ	185,000
HDG	3,0 tỷ	109,900
GMD	2,9 tỷ	88,430

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-25,7 tỷ	493,590
HAG	-10,8 tỷ	444,650
HHS	-2,2 tỷ	84,160
VIC	-1,8 tỷ	28,280
VIP	-1,5 tỷ	156,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	3,703,100	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường vẫn thể hiện sự giằng co khá mạnh như những phiên gần đây, dù đã tăng lan rộng nhưng nhìn chung lực cầu chưa thực sự mạnh mẽ.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và ở mức trung bình, đạt khoảng 67 triệu đơn vị. Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 4 tỷ trong phiên hôm nay. Chưa có nhiều lo ngại về việc bán ròng này của TT.
- ▶ VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc điểm số và thanh khoản gia tăng dần là một tín hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	108.0	204,660.00	18.2	5.8	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	16.0	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	98.5	72,388.77	219.4	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	30.1	69,754.25	15.7	1.6	10.4%	1.0%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	40.3	27,423.00	21.9	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	52.0	25,059.23	10.2	2.3	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.8	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

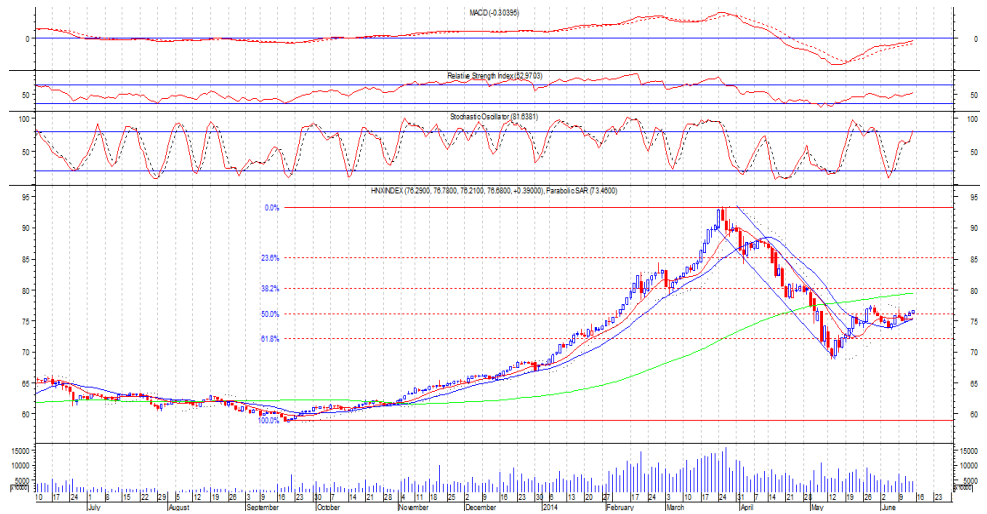
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.9	3,300.59	12.3	1.0	NA	TH.DOI
FPT	343.9	47.0	16,163.03	10.1	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.3	2,065.37	14.7	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.0	3,092.54	8.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.8	519.07	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 13/06/2014 HNX-Index 76.68 0.39 0.51% 47,281,542 CP 485.70 bil. VND

"Túc tắc" tăng điểm

Chỉ số HNX-Index tăng 0.39 điểm (+0.51%), đóng cửa tại mốc 76.68 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân ngắn.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng trở lại và sắp đi vào vùng quá mua.
- MACD đi ngang và vẫn chưa cắt đường zero - base.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 53.
- Parabolic SAR cho tín hiệu mua ở phiên hôm nay.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.7 (6.4%)	6,986,900
PVX	-0.1 (-2.3%)	3,832,010
SCR	0 (0.0%)	3,319,370
SHB	0.1 (1.1%)	3,096,160
FIT	0.6 (4.0%)	2,897,420

HNX Top 5 theo % tăng

DBT	2.5 (10.0%)	500
KHB	0.4 (10.0%)	163,600
VCS	1.4 (10.0%)	892,400
VTL	1.5 (9.9%)	320
S99	1.1 (9.9%)	170,200

HNX Top 5 theo % giảm

HPS	-0.3 (-9.7%)	100
TKU	-1.1 (-9.6%)	100
TTZ	-0.5 (-9.4%)	8,090
VBH	-1.2 (-9.3%)	200
PVR	-0.3 (-9.1%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	3,8 tỷ	140,700
DBC	3,7 tỷ	180,000
FIT	3,0 tỷ	196,200
SHB	2,1 tỷ	227,100
KLS	2,0 tỷ	170,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

BVS	-0,2 tỷ	15,600
EBS	-0,2 tỷ	21,200
SD6	-0,1 tỷ	10,000
VDL	-0,1 tỷ	4,000
PMC	-0,1 tỷ	1,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,284,000	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường vẫn thể hiện sự giằng co khá mạnh như những phiên gần đây, dù đã tăng lan rộng nhưng nhìn chung lực cầu chưa thực sự mạnh mẽ.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và ở mức trung bình, đạt khoảng 45 triệu đơn vị. Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 18 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại gia tăng lượng mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.6	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.9	12,016.24	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.5	5,963.09	12.8	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.6	4,192.70	15.0	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.8	3,175.55	7.1	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.0	2,985.98	10.2	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.7	2,792.93	7.6	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.6	1,048.80	6.9	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.7	370.26	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	10.5	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.98	10.2	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.6	780.00	9.5	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	15.35%	98.5	219.43	4.92	155,819	131,945	321,337
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	7.82	3.74	165,722	217,923	515,063
HPG	HOSE	481.9	25,059.23	11.74%	52.0	10.16	2.33	246,546	399,177	787,639
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.66	2.21	210,837	208,264	441,049
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	8.01%	32.3	6.46	1.40	831,514	984,256	1,446,019
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	7.98%	24.2	14.37	1.32	2,129,994	2,420,951	3,515,107
VCB	HOSE	2,317.4	69,754.25	6.11%	30.1	15.68	1.57	308,448	391,417	747,958
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.80	1.43	1,727,424	1,729,962	1,200,419
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	3.08%	40.3	21.87	2.15	191,851	322,460	470,671
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	2.71%	8.1	101.18	0.74	3,732,860	4,946,667	8,142,922
HSG	HOSE	96.3	4,276.30	2.68%	44.4	10.44	1.85	69,417	115,254	197,374
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	2.26%	33.3	123.55	0.84	226,522	291,777	372,293
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	2.03%	20.6	7.21	1.17	188,042	330,442	755,734
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	15.84	1.27	190,136	291,747	727,458
CSM	HOSE	67.3	2,617.66	1.64%	38.9	7.05	2.01	287,299	283,775	483,807
KBC	HOSE	389.8	4,170.43	1.48%	10.7	24.10	0.82	677,172	661,448	1,070,656
DRC	HOSE	83.1	3,538.95	1.33%	42.6	9.29	2.43	99,800	118,908	294,923
PVT	HOSE	255.9	3,300.59	1.18%	12.9	12.32	1.04	429,777	547,608	1,217,150
DIG	HOSE	143.0	2,416.63	1.01%	16.9	45.11	1.01	272,212	233,390	545,815
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	0.91%	10.9	49.45	1.05	1,240,663	1,428,335	2,905,745
PET	HOSE	69.8	1,131.44	0.87%	16.2	7.36	0.88	509,593	453,457	650,817

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,016.24	5.37%	26.9	7.90	1.41	1,312,249	1,386,914	2,669,924
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	7.82	3.74	165,722	217,923	515,063
VCB	HOSE	2,317.4	69,754.25	7.00%	30.1	15.68	1.57	308,448	391,417	747,958
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	6.50%	40.3	21.87	2.15	191,851	322,460	470,671
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.79%	32.3	6.46	1.40	831,514	984,256	1,446,019
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.26%	20.6	10.80	1.43	1,727,424	1,729,962	1,200,419
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.66	2.21	210,837	208,264	441,049
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.73%	8.1	101.18	0.74	3,732,860	4,946,667	8,142,922
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.98	0.76	3,599,179	5,274,742	8,402,071
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	1.58%	20.6	7.21	1.17	188,042	330,442	755,734
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	2.33%	10.9	49.45	1.05	1,240,663	1,428,335	2,905,745
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	1.62%	33.3	123.55	0.84	226,522	291,777	372,293
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	8.00%	98.5	219.43	4.92	155,819	131,945	321,337
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	2.83%	24.2	14.37	1.32	2,129,994	2,420,951	3,515,107
DRC	HOSE	83.1	3,538.95	1.28%	42.6	9.29	2.43	99,800	118,908	294,923
VCG	HNX	441.7	5,963.09	3.58%	13.5	12.77	1.02	1,545,370	2,001,874	2,622,907
PVT	HOSE	255.9	3,300.59	2.05%	12.9	12.32	1.04	429,777	547,608	1,217,150

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	7.82	3.74	165,722	217,923	515,063
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.00%	98.5	219.43	4.92	155,819	131,945	321,337
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.46	1.40	831,514	984,256	1,446,019
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	0.00%	24.2	14.37	1.32	2,129,994	2,420,951	3,515,107
VCB	HOSE	2,317.4	69,754.25	0.00%	30.1	15.68	1.57	308,448	391,417	747,958
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.80	1.43	1,727,424	1,729,962	1,200,419
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.00%	40.3	21.87	2.15	191,851	322,460	470,671
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.58	0.98	221,744	312,662	702,295
GAS	HOSE	1,895.0	204,660.00	0.00%	108.0	18.19	5.77	458,317	399,124	438,705

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.81%	98.5	219.43	4.92	155,819	131,945	321,337
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	7.82	3.74	165,722	217,923	515,063
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.26%	32.3	6.46	1.40	831,514	984,256	1,446,019
VCB	HOSE	2,317.4	69,754.25	0.20%	30.1	15.68	1.57	308,448	391,417	747,958
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.80	1.43	1,727,424	1,729,962	1,200,419
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.10%	40.3	21.87	2.15	191,851	322,460	470,671

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,066	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,585	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,785	21.7	0.7	3.2%	2.1%
Sản xuất giấy	748	7.7	0.8	11.2%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,048	19.0	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,616	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,908	51.9	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,787	17.1	1.4	11.3%	8.1%
Xây dựng	27,914	- 39.6	1.0	-4.4%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,001	6.9	1.1	17.1%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	711	3.5	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,689	9.6	0.9	7.9%	3.9%
Thiết bị điện	1,609	- 15.5	0.7	-1.0%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,654	5.9	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,908	- 1.5	0.8	2.1%	-0.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,697	13.0	1.4	16.5%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,834	8.6	1.5	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,079	10.5	1.3	13.1%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	202	9.6	0.6	8.2%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	184	8.5	0.9	10.8%	4.9%
Chất thải & Môi trường	158	2.4	0.7	35.0%	16.9%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,902	10.8	1.5	13.4%	7.9%
Lốp xe	6,604	8.0	2.2	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,737	6.7	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	338	12.6	2.1	19.0%	11.7%
Đồ uống & giải khát	267	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,239	9.4	1.2	14.5%	6.4%
Thực phẩm	201,798	23.1	4.8	21.1%	16.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	47	37.5	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,061	7.9	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	135	7.6	1.2	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,002	8.3	1.4	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,838	8.8	1.7	16.7%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	- 8.5	1.1	0.1%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	813	14.6	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	137	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	175	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	14,993	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	764	13.7	1.2	13.1%	8.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,073	8.3	1.3	14.8%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,021	8.1	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	168	7.4	3.2	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,852	36.6	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,168	27.2	1.3	14.5%	12.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,150	21.4	1.9	15.5%	13.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	510	20.2	0.6	3.2%	1.2%
Internet	266	56.1	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,494	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	413	14.9	0.7	4.0%	1.6%
Thiết bị văn phòng	268	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,038	13.8	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,007	-	6.7	-5.1%	3.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	210,642	17.6	5.6	33.0%	22.1%
Nước	1,160	6.3	1.0	16.8%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,198	5.3	0.8	14.9%	4.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,287	11.9	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,682	7.6	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,947	21.9	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,360	49.4	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	24,277	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	245,349	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	132,519	11.2	2.4	27.7%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	7	12.4	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,399	9.5	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.